

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 62/2015/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 22 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Yên tại Tờ trình số 120/TTr-SKHCN ngày 01/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04/01/2015 và thay thế cho Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành quy định về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tại Phú Yên.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND Tỉnh, thủ trưởng các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước**
(Kèm theo Quyết định số 62/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015
của UBND tỉnh Phú Yên)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này qui định trình tự, thủ tục xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài); dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án); đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ; chương trình khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là chương trình).

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nghị định thư, nhiệm vụ quỹ gen, nhiệm vụ khoa học công nghệ do các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến bí mật quốc gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

3. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là đề xuất đặt hàng) là các yêu cầu đặt ra cho khoa học và công nghệ dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nhằm thực hiện yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ cho ngành, địa phương do các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan tương đương khác ở tỉnh (sau đây gọi chung là Sở ngành và địa phương) đề xuất với UBND tỉnh thông qua Sở Khoa học và Công nghệ để đặt hàng các tổ chức và cá nhân thực hiện.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng là đề tài, dự án; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình cụ thể có tên gọi và các mục thể hiện yêu cầu cơ bản đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm căn cứ để Chủ tịch UBND Tỉnh đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước là nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi của tỉnh Phú Yên;

b) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi của Tỉnh;

c) Có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của Tỉnh.

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt và ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện, bao gồm:

a) Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

b) Đề án khoa học cấp tỉnh;

c) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

d) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh;

đ) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

e) Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.

Điều 3. Căn cứ để xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Các yêu cầu của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;

2. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

3. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, ngành, địa phương; chiến lược phát triển khoa học và công nghệ và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 05 năm hoặc 10 năm của tỉnh;

4. Những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh thiên tai, dịch bệnh, phát triển khoa học công nghệ của tỉnh; nhu cầu thực tiễn về công tác quản lý của nhà nước, các hội, đoàn thể trong công tác chỉ đạo, quản lý của tỉnh; nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của các đơn vị; các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, địa phương; các kiến nghị được kết luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học và các nguồn khác.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và triển vọng đóng góp của các kết quả tạo ra vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực hoặc địa phương.

2. Đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh tại Khoản 3, Điều 2 Quy định này.

3. Có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra và được lãnh đạo các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố cam kết sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành. Tổ chức, cơ quan ứng dụng kết quả dự kiến có đủ uy tín và năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả sản phẩm tạo ra.

4. Có yêu cầu thời gian (tính từ thời điểm đặt hàng đến thời điểm có kết quả) phù hợp để đảm bảo tính khả thi cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 5. Trình tự xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ đặt hàng

1. Sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo những căn cứ quy định tại Điều 3 Quy định này; xây dựng và phê duyệt đề

xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn quy định tại Thông báo đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ động xây dựng đề xuất đặt hàng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ Khoản 1, 3 và 4 Điều 3 Quy định này.

2. Đề xuất đặt hàng được xây dựng theo trình tự quy định tại Chương III của Quy định này.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp đề xuất đặt hàng và tổ chức hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (gọi tắt là hội đồng hoặc hội đồng tư vấn) theo các quy định tại Chương IV của Quy định này để xác định đề tài, dự án; đề án khoa học; dự án khoa học và công nghệ hoặc chương trình khoa học và công nghệ đặt hàng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố công khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh, cấp huyện để các tổ chức, cá nhân có năng lực tham gia tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp.

CHƯƠNG II

YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 6. Yêu cầu đối với đề tài, dự án

Đề tài, dự án cần đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung và yêu cầu riêng cho từng loại, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu chung:

a) Có tính cấp thiết hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong phạm vi của tỉnh;

b) Những vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học công nghệ của tỉnh hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; vấn đề khoa học và công nghệ quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ.

c) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài:

a) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở tỉnh; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng;

- Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ.

b) Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn

trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

c) Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại Việt Nam hoặc tính thông qua các công bố trong nước và của Tỉnh hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án:

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế hoặc giải pháp hữu ích;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ tạo ra đảm bảo tính ổn định ở qui mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở qui mô sản xuất hàng loạt.

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí để thực hiện thông qua sự cam kết hợp tác với doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

Điều 7. Yêu cầu đối với đề án khoa học

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn, có khả năng làm cơ sở để phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 8. Yêu cầu đối với dự án khoa học và công nghệ

Dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt;

2. Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển khoa học và công nghệ của ngành, lĩnh vực.

3. Có phương án tin cậy trong việc huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách và được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tài trợ hoặc bảo đảm;

4. Tiến độ thực hiện phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư sản xuất, đề án phát triển kinh tế - xã hội; có thời gian thực hiện không quá 5 năm.

Điều 9. Yêu cầu đối với chương trình khoa học và công nghệ

Chương trình khoa học và công nghệ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ một trong định hướng lớn sau: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong một hoặc một số lĩnh vực trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh hoặc phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Nội dung bao gồm những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực khoa học và công nghệ trong tỉnh.

3. Các kết quả đều thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

4. Có thời gian thực hiện không quá 10 năm và tiến độ triển khai phù hợp với mục tiêu của chương trình.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG

Điều 10. Tổng hợp nhu cầu đối với khoa học và công nghệ tại địa phương

1. Định kỳ hoặc theo tính cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo định hướng phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên của Tỉnh và thời hạn để các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân được thực hiện theo Mẫu A1-ĐXNV ban hành kèm theo Quy định này.

2. Các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh: Tiếp nhận, tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi, lĩnh vực của tổ chức, cá nhân và tự đề xuất những vấn đề khoa học cần giải quyết căn cứ quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 3 Quy định này.

Gửi cho các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố có liên quan văn bản đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc những vấn đề khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi, lĩnh vực của sở, ngành hoặc địa phương mình.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ động tổng hợp những vấn đề khoa học cần giải quyết theo các căn cứ quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 3 Quy định này.

Điều 11. Xây dựng đề xuất đặt hàng

1. Các Sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố xem xét, lựa chọn vấn đề khoa học và công nghệ từ nhu cầu về khoa học và công nghệ đã được tổng hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 để xây dựng đề xuất đặt hàng đáp ứng các yêu cầu tại Điều 4 của Quy định này. Các cơ quan, tổ chức có thể mời chuyên gia, nhóm chuyên gia hoặc cơ quan dự kiến hưởng thụ kết quả nghiên cứu tham gia xây dựng đề xuất đặt hàng.

2. Đề xuất đặt hàng được xây dựng theo mẫu ban hành kèm theo Quy định này: đề tài hoặc đề án khoa học theo Mẫu B1-ĐXĐH; dự án theo Mẫu B2-ĐXĐH; dự án khoa học và công nghệ theo Mẫu B3-ĐXĐH và chương trình khoa học và công nghệ theo Mẫu B4-ĐXĐH

Điều 12. Hoàn thiện đề xuất đặt hàng

1. Sở, Ngành, các huyện, thị xã, thành phố tổ chức lấy ý kiến hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia độc lập đối với đề xuất đặt hàng đã được xây dựng theo các quy định của Điều 11 Quy định này trước khi gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Trên cơ sở ý kiến tư vấn, sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố hoàn thiện đề xuất đặt hàng. Thủ trưởng sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ký duyệt và gửi đề xuất đặt hàng về Sở Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ bao gồm:

a) Phiếu đề xuất đặt hàng theo các mẫu quy định tại Khoản 2, Điều 11 Quy định này;

b) Biên bản làm việc của hội đồng tư vấn hoặc ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập đối với đề xuất đặt hàng là **Phụ lục** của đề xuất đặt hàng.

Điều 13. Tổng hợp đề xuất đặt hàng

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp các đề xuất đặt hàng của các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố và xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của đề xuất đặt hàng.

2. Đề xuất đặt hàng được đánh giá “đạt yêu cầu” sơ bộ khi đáp ứng 02 yêu cầu sau:

a) Đầy đủ thông tin trong Phiếu đề xuất đặt hàng và phụ lục kèm theo;

b) Có đủ cơ sở về tính cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất.

3. Đối với đề xuất đặt hàng được đánh giá “đạt yêu cầu”, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch lấy ý kiến tư vấn để xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề xuất đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả đánh giá sơ bộ và thời gian dự kiến tổ chức các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với đề xuất đặt hàng “đạt yêu cầu” cho các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố có đề xuất đặt hàng.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 14. Nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng

1. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng được thể hiện thông qua tên gọi và 02 mục: Định hướng mục tiêu và Yêu cầu đối với kết quả, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 9 của Quy định này.

2. Mục Yêu cầu đối với kết quả cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các yêu cầu này được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu và các yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

b) Đối với đề tài khác: các yêu cầu tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác.

c) Đối với dự án: các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và qui mô sản xuất thử nghiệm.

d) Đối với đề án khoa học: các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác.

đ) Đối với dự án khoa học và công nghệ: các sản phẩm khoa học và công nghệ cùng với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng đảm bảo sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian.

e) Đối với chương trình khoa học và công nghệ: các loại sản phẩm dự kiến; số lượng và các chỉ tiêu định lượng hoặc định tính tương ứng, đảm bảo sự quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau và thống nhất với mục tiêu đề ra.

Điều 15. Thành lập Hội đồng tư vấn

1. Chủ tịch UBND tỉnh (hoặc ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ) quyết định thành lập Hội đồng tư vấn theo chuyên ngành khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực của đề xuất đặt hàng. Hội đồng có thể tư vấn cho một hoặc một số đề xuất đặt hàng trong cùng lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

2. Hội đồng tư vấn có ít nhất 09 thành viên, gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch, Phó chủ tịch hội đồng và thành viên của hội đồng tư vấn là các chuyên gia khoa học và công nghệ, cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Có ít nhất 02 thành viên có chuyên môn sâu trong hội đồng làm chuyên gia phản biện cho mỗi đề xuất đặt hàng.

Riêng Hội đồng tư vấn xác định chương trình khoa học công nghệ có 11 thành viên.

3. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của đề xuất đặt hàng, Chủ tịch UBND tỉnh có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng nhiều hơn qui định tại Khoản 2 Điều này hoặc lựa chọn chuyên gia khoa học và công nghệ khác.

Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm nhận xét, đánh giá đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền quyết định về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh.

Xem xét lựa chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đề xuất đặt hàng cấp quốc gia và góp ý hoàn thiện các đề xuất đặt hàng theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành viên hội đồng tư vấn có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu tài liệu do Sở khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị các ý kiến nhận xét đánh giá đề xuất đặt hàng theo mẫu quy định ban hành kèm theo Quy định này: Mẫu C1-TVHĐ đối với đề tài, dự án; Mẫu C2-TVHĐ đối với đề án khoa học; Mẫu C3-TVHĐ đối với dự án khoa học và công nghệ và Mẫu C4-TVHĐ đối với chương trình,

b) Gửi ý kiến đã chuẩn bị cho thư ký hành chính của hội đồng trước phiên họp của hội đồng 01 ngày làm việc.

c) Các chuyên gia phản biện còn có trách nhiệm chỉnh sửa hoặc xây dựng các nội dung mới cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ dự kiến đặt hàng để thảo luận trong cuộc họp của hội đồng.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Cử thư ký hành chính giúp việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các phiên họp của hội đồng. Tài liệu phải được gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất 5 ngày trước phiên họp Hội đồng. Tài liệu gồm:

1. Đề xuất đặt hàng và ý kiến tư vấn của chuyên gia hoặc hội đồng tư vấn của sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố;
2. Trích lục yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại các Điều 6, 7, 8, 9 và 14 của Quy định này;
3. Các mẫu, phụ lục cần thiết phù hợp với đề xuất đặt hàng nêu tại Khoản 2 Điều 16.
4. Kết quả tra cứu thông tin (theo mẫu Co-KQTrC ban hành kèm theo Quy định này) của các đề tài, dự án có sử dụng ngân sách nhà nước có liên quan đã và đang thực hiện đối với đề xuất đặt hàng dưới hình thức đề tài, dự án.
5. Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

Điều 18. Phương thức làm việc của hội đồng tư vấn

1. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng được chủ tịch hội đồng ủy quyền, các chuyên gia phản biện và ủy viên thư ký khoa học.
2. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hay bỏ phiếu kín.
3. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký hội đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.
4. Đại diện các Sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố có đề xuất đặt hàng được mời tham dự phiên họp của hội đồng.

Điều 19. Trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập hội đồng.
2. Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ tóm tắt các yêu cầu đối với hội đồng.
3. Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp.
4. Hội đồng cử hoặc bầu một thành viên làm thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản các phiên họp của hội đồng.
5. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu để tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng.
6. Chuyên gia phản biện và hội đồng thảo luận theo các nội dung tương ứng với hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 20 của Quy định này.
7. Các thành viên hội đồng đánh giá đề xuất đặt hàng và bỏ Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng theo mẫu ban hành kèm theo Quy định này: Mẫu C1-PĐG đối với đề tài, dự án; Mẫu C2-PĐG đối với đề án khoa học; Mẫu C3-PĐG đối với dự án khoa học và công nghệ và Mẫu C4-PĐG đối với chương trình.

Đề xuất đặt hàng được đề nghị “thực hiện” khi tất cả các nội dung trong Phiếu đánh giá được đánh giá “đạt yêu cầu” và đề nghị “không thực hiện” khi một trong các nội dung trên được đánh giá “không đạt yêu cầu”.

8. Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên hội đồng theo Mẫu C5-BBKP ban hành kèm theo Quy định này và công bố công khai kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp của hội đồng.

9. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “thực hiện”, các chuyên gia phản biện trình bày các nội dung dự kiến của nhiệm vụ khoa học công nghệ đặt hàng. Hội đồng chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các mục của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu quy định tại Điều 14 Quy định này.

10. Đối với đề tài, dự án, đề án khoa học và dự án khoa học công nghệ đặt hàng, Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp), kể cả việc mời chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ.

11. Đối với đề xuất đặt hàng được đề nghị “không thực hiện” hội đồng thống nhất ý kiến đánh giá về lý do không đề nghị thực hiện.

12. Hội đồng tiến hành xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho từng đề xuất đặt hàng theo các bước qui định tại các khoản 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều này trong trường hợp có 02 hoặc nhiều đề xuất đặt hàng và biểu quyết việc xếp thứ tự ưu tiên cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng.

13. Thư ký khoa học lập biên bản làm việc của hội đồng theo Mẫu D1-BBHĐ ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 20. Nội dung thảo luận của hội đồng xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định đề tài, dự án, đề án khoa học, dự án, chương trình khoa học công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tương ứng tại Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Thông tư 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 21. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng, xem xét các ý kiến tư vấn của hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo các yêu cầu nêu tại các điều 6, 7, 8 và 9 Quy định này. Trường hợp cần thiết, có thể lấy ý kiến tư vấn của 01 đến 02 chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập hội đồng khác để xác định lại nhiệm vụ khoa học và công nghệ và lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.

2. Trên cơ sở kết quả của việc rà soát và ý kiến tư vấn quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng của tỉnh. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt, công bố công khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

đặt hàng trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện theo quy định. Đối với chương trình khoa học và công nghệ đặt hàng Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh xem xét giao cho tổ chức, cơ quan đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ phải thông báo kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức có đề xuất đặt hàng.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà